

VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI DƯỚI GÓC NHÌN PHÂN TÂM HỌC CỦA S. FREUD

Tóm tắt: *Phân tâm học với tư cách là một trào lưu tư tưởng ra đời vào thời kỳ khi mà xã hội Châu Âu bước sang hậu kỳ của xã hội công nghiệp. Từ khi ra đời, Phân tâm học có ảnh hưởng không những đến nhiều lĩnh vực tri thức của con người như văn chương, nghệ thuật, tôn giáo, nhân chủng học, giáo dục, luật pháp, xã hội học, luật học, sử học,... mà các cá nhân nổi riêng và đời sống xã hội nói chung cũng chịu ảnh hưởng của Phân tâm học. Bài viết này nhằm chỉ ra vai trò tôn giáo trong đời sống xã hội dưới góc nhìn Phân tâm học của S. Freud.*

Từ khóa: *Phân tâm học, Sigmund Freud, tôn giáo, vai trò, xã hội.*

Người sáng lập ra Phân tâm học đồng thời cũng là người có công lớn nhất trong việc xây dựng cả một hệ thống lý thuyết tương đối hoàn chỉnh về Phân tâm học được các bộ môn khoa học trên thế giới hưởng ứng, đó là Sigmund Freud. S. Freud gốc người Do Thái, sinh năm 1856 ở Vienna và mất năm 1939 tại London. Nhờ sự tìm tòi, nghiên cứu một lĩnh vực hết sức nhạy cảm là chữa trị bệnh thần kinh, S. Freud đã đưa ra những ý tưởng và những lý thuyết mà ngày nay đã “dung hóa” vào cuộc sống.

Sự ra đời và phát triển của Phân tâm học cũng như các trào lưu triết học Phương Tây hiện đại ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX không thể tách rời những thành tựu của khoa học trước đó và nhanh chóng phát triển lúc bấy giờ. Trong quá trình nghiên cứu và xác lập lý thuyết của mình, S. Freud đã chịu ảnh hưởng rất lớn của những phát minh về khoa học tự nhiên lúc bấy giờ như: Lý thuyết “tăng băng trôi” của G. T. Fechner¹, khi ông ví đời sống tâm lý của con người như là phần chìm của tảng băng. Quan niệm về “năng lượng và bảo toàn năng lượng” của H. Helmholtz² và E. W. Brücke³, xem cơ thể con người giống như một hệ thống năng lượng bao gồm sự hợp nhất hai hệ thống năng lượng: năng lượng cơ giới và năng lượng tâm lý. Freud cũng chịu ảnh hưởng thuyết tiến hóa của Darwin⁴ khi

* Thạc sĩ, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

nghiên cứu nhân cách con người. Hai học thuyết được xem là có ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng của S. Freud đó là *học thuyết đơn tử* của G. W. Leibniz⁵ và *học thuyết giới hạn ý thức* của F. Herbart⁶.

Khi đưa ra lý giải về tôn giáo, S. Freud đã triển khai lý thuyết phân tâm của ông để nghiên cứu vai trò của tôn giáo thể hiện trong đời sống xã hội. Tìm hiểu niềm tin tôn giáo, ông đã xem xét cội nguồn của niềm tin từ góc độ “tâm thần”. Theo ông, khoa học và lý trí không thể chứng minh hoặc không chứng minh các niềm tin. Ông cho rằng, các giáo lý tôn giáo không phải là “các chất kết tủa của kinh nghiệm hay các kết quả cuối cùng của tư duy”, mà tại sao chúng ta lại sẵn sàng chấp nhận nó là sự thật? Vì “chúng ta rất muốn chúng là thật”⁷. Như vậy, tôn giáo phải có một điều gì đó mới có thể làm cho con người ta muốn và tin nó là một sự thật. Ông đưa ra dẫn chứng, “Khi còn là trẻ nhỏ, chúng ta cảm thấy không tự lực được và hết sức cần đến sự bảo vệ và tình yêu của người cha; chúng ta coi người cha là người có quyền lực, khôn ngoan và là người chắc chắn rằng công lý sẽ thắng”⁸. Do vậy, con cái luôn khao khát có cha, nhưng ông cũng cho rằng, người con càng ngưỡng mộ cha bao nhiêu thì cũng sợ cha bấy nhiêu. Đây là dấu hiệu tâm lý mâu thuẫn về thái độ của con đối với cha ăn sâu trong từng tôn giáo. Khi nói về tôn giáo, S. Freud muốn nói đến niềm tin vào một Thiên Chúa toàn năng và ngôi vị trong Kitô giáo. Đáng có thể chăm sóc an ủi con người trong đời sau. Chúa sẽ thưởng những người ăn ở hiền lành và trừng phạt những kẻ tội lỗi. Freud xem tôn giáo là *tài sản tinh thần của nền văn minh*, và cho rằng, mọi cá nhân đều được dẫn dắt bởi các bản năng tính dục và sự gây hấn dựa vào xung đột bản năng, và khi con người chiều theo những nguyên tắc khoái lạc và chỉ tìm kiếm sự thỏa mãn những bản năng tức thời thì nền văn minh sẽ bị sụp đổ. Do vậy, để cuộc sống văn tiếp tục diễn ra và nền văn minh không bị sụp đổ, con người phải tuân theo những nguyên tắc thực tại và buộc phải từ bỏ hoặc hướng những xung đột bản năng tới sự hài hòa và sự tương tác trong xã hội. “Tôn giáo là tài sản tinh thần vì nó cố gắng hiến sự đền bù tâm lý cho những khước từ bản năng”⁹. Freud cho rằng, khi con người từ bỏ những khoái lạc nhất thời, không vi phạm vào những điều cấm của tôn giáo cũng như xã hội, thì họ tin rằng họ sẽ được người cha của họ là Chúa che chở, an ủi cho họ ở đời này và sẽ thưởng công cho họ ở đời sau. “Tôi còn có thêm nguồn an ủi là biết rằng Chúa công bằng vô cùng sẽ trừng phạt những kẻ sống ích kỷ, chiều theo bản năng - nếu không ở đời này thì cũng ở đời sau. Ngoài ra, tôn giáo còn

cung cấp các đáp án cho các vấn đề quan trọng mà dường như không thể trả lời theo cách khác được, như ý nghĩa cuộc đời chẳng hạn”¹⁰.

Theo Freud, tôn giáo là nơi có thể làm giảm bớt những nỗi sợ hãi, lo lắng và con người giải tỏa những ước muốn chưa được thỏa nguyện. “Tôn giáo là những lời giáo huấn và những chủ trương về những sự việc và tình hình. Những lời giáo huấn và chủ trương này báo cho người ta những sự việc mà họ chưa biết và yêu cầu mọi người phải tin theo. Vì chúng cho chúng ta biết trong đời sống những việc gì quan trọng và lý thú nhất, nên chúng được đánh giá rất cao. Những người không hay biết về chúng là những người rất ngu muội. Bất kỳ ai nạp chúng vào tri thức của mình đều cảm thấy vững tâm lắm lắm”¹¹.

Freud chỉ ra vai trò của những lời giáo huấn trong giáo lý của tôn giáo có một ý nghĩa quan trọng như thế nào trong đời sống con người và xã hội. Theo ông, trên thế giới có rất nhiều lời dạy về các sự vật hiện tượng, trong gia đình, ở nhà trường và ngoài xã hội, những lời dạy này đều đòi hỏi mọi người phải tin vào nội dung của chúng, nhưng những yêu cầu phải tin đó chẳng có căn cứ nào cả. Những lời răn dạy ấy được đưa ra do con người khái quát quá trình tư tưởng lâu dài của nhân loại, dựa trên những quan sát thực tiễn và dựa trên suy luận từ những quan sát ấy. Khi con người không tin vào những lời răn dạy này thì nó cũng chỉ cho họ biết cách hành động như thế nào cho hợp lý. Nhưng những lời giáo huấn của tôn giáo dựa trên căn cứ nào mà đòi hỏi con người phải tin, Freud cho rằng: “Một là, vì những giáo lý này đã được tổ tiên của chúng ta tin cho nên chúng đáng được tin. Hai là, chúng ta có chứng cứ từ thời cổ đại xa xưa để lại. Ba là, căn bản không được phép chứng minh vấn đề giáo lý”¹². Ông cho rằng đáp án thứ ba làm cho chúng ta hoài nghi nhất về những lời giáo lý “việc đặt ra điều cấm ấy chỉ có thể có một lý do: xã hội này biết rất rõ rằng, yêu cầu đặt ra đối với những giáo lý tôn giáo là không thể tin nổi”. Nhưng rốt cuộc cả ba nguyên nhân trên cũng không có một chứng cứ xác thực để giúp mọi người dựa vào đó mà tin theo. Nhưng trên thực tế hiện nay, khi mà khoa học công nghệ rất phát triển, con người đã đưa ra một số giải thích mang tính chất khoa học cho các hiện tượng tôn giáo nhưng vẫn chưa thể đưa ra được những kết luận mang tính khoa học và chưa thể xóa bỏ được vai trò của tôn giáo trong đời sống của xã hội. Chúng ta vẫn phải chấp nhận một điều rằng “tôn giáo vẫn có một vai trò to lớn đối với đời sống tâm lý, có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với xã hội loài người”. Nhưng giáo lý tôn giáo

không được thừa nhận về mặt lý tính, vậy sức mạnh bản chất và vai trò của nó là ở chỗ nào? Và nó giúp gì cho đời sống tâm lý con người? Để trả lời cho những vấn đề trên Freud dựa vào nguồn gốc tâm lý của quan niệm tôn giáo để tìm câu trả lời. Ông cho rằng, niềm tin tôn giáo là “ảo giác”. Sức mạnh thần bí của tôn giáo chính là ở sức mạnh của những ước vọng, ảo giác mà con người luôn mong muốn được thỏa mãn.

Khi cho rằng tôn giáo là ảo giác (ảo tưởng), Freud đã cố gắng làm rõ hàm nghĩa của từ này. Ông cho rằng, “Ảo giác và sai lầm không phải là một. Ảo giác cũng chưa phải là sai lầm. Aristotle tin rằng côn trùng có hai biến hóa từ phân mà ra (tới nay những kẻ ngu muội đốt nát vẫn tin vào quan điểm này). Đây là một sai lầm”¹³. Tương tự như thế, “trước đây các bác sĩ cho rằng lao tủy sống (tabes dorsalis) là hậu quả của việc sinh hoạt tình dục quá độ”¹⁴. Đây cũng là một sai lầm. Freud cho rằng, những sai lầm này là ảo giác là không đúng. Ngược lại, “Colombo cho rằng ông phát hiện đường biển mới đi tới Ấn Độ, đó là ảo giác của ông”¹⁵. Tuy sự phát hiện này là sai lầm nhưng nó lại là ảo giác, bởi vì trong sự sai lầm này có vai trò ước vọng của ông. Đặc trưng của “ảo giác là bắt nguồn từ ước vọng muốn được thỏa mãn của con người”. Ở điểm này, ảo giác rất gần gũi với cuồng vọng của bệnh tâm thần. Sức mạnh thần bí của tôn giáo chính là ở sức mạnh của những ước vọng này, những ước vọng mà con người luôn mong muốn được thỏa mãn. “Như chúng ta đã biết, ấn tượng đáng sợ về sự đơn độc thời tuổi thơ khiến con người nảy sinh nhu cầu được bảo vệ - đây là sự bảo vệ được thực hiện thông qua tình thương yêu - sự bảo vệ này do người cha thực hiện”¹⁶. Theo ông, với con người, sự thống trị nhân từ của thượng đế (người Cha) sẽ giảm bớt nỗi lo đối với những hiểm nguy trong đời sống của chúng ta. Xây dựng trật tự đạo đức sẽ đảm bảo thỏa mãn nhu cầu công bằng thường không được thực hiện. Và chính những trật tự đạo đức, công bằng không được thực hiện ở cuộc sống của con người trên mặt đất này, dẫn con người hướng đến một cuộc sống mai sau, nơi mà ở đó, mọi người thực hiện sự công bằng của mình dưới sự chủ trì của người Cha.

Những lễ nghi tôn giáo theo Phân tâm học giúp cho con người tránh được những ức chế do điều kiện hoàn cảnh xã hội ràng buộc con người cũng như những bất bình đẳng trong xã hội. Do vậy, con người tin tưởng vào những lễ nghi tôn giáo để có được một cảm giác yên tâm. “Xét ở góc độ đặc tính của Tâm lý học, giáo lý tôn giáo là ảo giác, thế là đủ”¹⁷. Tuy cũng chỉ là ảo giác, là mong ước nhưng nó lại giúp cho con người tránh

được những mặc cảm, những đau khổ mà con người phải chịu ở cuộc sống hiện tại, để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn mai sau. Sau khi cho rằng giáo lý tôn giáo là ảo giác, Freud cố gắng giải thích vì sao nó lại là ảo giác đối với con người. Theo ông, giáo lý tôn giáo là vấn đề không thể giải thích một cách tùy tiện như những vấn đề khác. Khi cho rằng tôn giáo không phải là chân lý, thì bạn đã đánh sập cái trụ cột tinh thần của họ, nhưng lại không trao cho họ điều gì tốt hơn. Do đó, “Người ta thống nhất với nhau rằng, tới nay, khoa học chưa có được thành tựu to lớn, nhưng đầu khoa học có phát triển rất mạnh chẳng nữa cũng mãi mãi không thể thỏa mãn toàn bộ nhu cầu của loài người”¹⁸. Loài người có những nhu cầu bức thiết khác, nhất là những nhu cầu về mặt tinh thần mà theo ông, có những nhu cầu mãi mãi con người không thể thỏa mãn được. Chính điều này đã dẫn ông tới một sự khẳng định rằng, nếu chúng ta cứ khẳng định giữ thái độ phản đối tôn giáo như hiện nay thì nền văn minh của chúng ta sẽ đứng trước sự khủng hoảng lớn hơn. Để làm rõ những điều khẳng định ở trên, ông đã chỉ ra cái mới duy nhất trong quan điểm của ông khi nói về vai trò của tôn giáo đối với con người và đối với đời sống xã hội là “chỉ cung cấp thêm một số cơ sở tâm lý cho sự phê phán mà các vị tiền bối vĩ đại của tôi đã đưa ra”¹⁹. Và khi nói rằng tôn giáo cũng có những đóng góp rất nhiều trong nền văn minh của xã hội, theo ông, tôn giáo có vai trò rất lớn trong việc chế ngự bản năng chống xã hội của con người. Nhưng như thế chưa đủ. Tôn giáo đã thống trị xã hội loài người hàng nghìn năm, có đủ thời gian để chứng tỏ có thể làm nên những công tích gì. Nếu tôn giáo thực hiện một cách thành công việc làm cho đa số người cảm thấy hạnh phúc, làm cho họ được an ủi, làm cho họ nghe theo cuộc sống và làm cho họ trở thành người truyền dẫn văn minh thì chẳng ai có thể suy nghĩ hết sức kỳ quặc là muốn thay đổi hiện trạng tôn giáo. Ông thẳng thắn nhìn nhận: “Giá như thật sự có một vị thượng đế sáng tạo ra thế giới, có một vị thượng đế nhân từ, giá như thật sự trong vũ trụ có trật tự đạo đức, thật sự có kiếp sau, thế thì tốt biết mấy”²⁰.

Chúng ta thấy rằng nhiều người bất bình với xã hội, cảm thấy xã hội không mang lại hạnh phúc thực sự cho họ, xã hội mà họ đang sống tựa như xiềng xích cần phải vứt bỏ. Chính những người này cố gắng làm thay đổi xã hội, hoặc là rất bất bình với xã hội mà họ đang tham dự vào, nhưng chính sự phản đối này cũng chẳng có một sức mạnh nào để giải quyết cả. Những người này muốn xây dựng nên một thế giới tốt đẹp mà họ hướng tới, có thể đó là do tôn giáo mang lại cho họ, nhưng chính

những người thực hành tôn giáo lại không thể làm cho họ tin tưởng một cách hoàn toàn bởi cuộc sống của họ chưa thể làm gương để mọi người tin tưởng. Điều này làm cho mọi người phải công nhận rằng, “chỉ có thượng đế mới hùng mạnh, thánh thiện, còn loài người thì yếu đuối, độc ác”²¹. Khi con người nhận thấy những điều cấm trong xã hội bị vi phạm sẽ bị trừng phạt một cách nghiêm khắc nhất theo những tín điều mà tôn giáo đã diễn đạt thì họ sẽ không dám phạm tội, nhưng ngược lại, khi họ biết vi phạm điều đó sẽ không bị một sự trừng phạt nào thì họ sẽ tự do vi phạm. Như vậy, khi con người có niềm tin vào một thượng đế sẽ khiến cho những hành động trái với lương tâm của mình không xảy ra. Niềm tin tôn giáo tuy là ảo giác nhưng nó lại giúp con người biết yêu thương, hòa thuận và cùng sinh sống trong một thế giới đầy rẫy bất công, thù hận, ghen ghét lẫn nhau. Theo Freud, “Tôn giáo là chứng bệnh tâm lý phổ biến do bị cưỡng bức mà ra. Giống như chứng tâm lý do bị cưỡng bức ở trẻ em, nó cũng bắt nguồn từ mặc cảm Edipus, từ mối quan hệ với người cha”²². Nếu quan điểm này là chính xác, thì theo Freud, một mặt, tôn giáo đã đặt ra những hạn chế có tính chất cưỡng bức giống như chứng tâm lý của cá nhân do bị cưỡng chế, mặt khác, tôn giáo cũng chứa đựng trong nó một hệ thống ảo tưởng thực hiện ước vọng và sự phủ định hiện thực, mà điều này thì chúng ta chỉ có thể tìm thấy ở trong chứng loạn thần kinh, trong trạng thái rối ren của ảo giác cực lạc. Và như vậy, những tín đồ thành kính của tôn giáo đã được miễn trừ sự nguy hiểm của căn bệnh tâm lý và họ sẽ được miễn trừ căn bệnh ở từng cá nhân để tiếp nhận một căn bệnh mang tính phổ biến, đó là ảo tưởng tôn giáo.

Khi đưa ra những điểm tương đồng giữa tôn giáo với bệnh thần kinh thời thơ ấu, Freud cho rằng, tôn giáo sẽ dần mất đi vai trò ảnh hưởng và bản chất của nó cũng dần dần hòa nhập vào điều kiện xã hội. Khi chúng ta mong mỗi một cuộc sống sung sướng trên thiên đường bắt đầu từ sau khi chết, mong chờ vào một việc mà không thể chứng minh được bằng lý trí, nhưng những nhu cầu cá nhân này không thể vứt bỏ được, đó là ảo giác của chúng ta. Nhưng chúng ta lại tin rằng, thượng đế sẽ thực hiện bất kỳ những ước vọng nào ở bên ngoài của chúng ta mà tự nhiên cho phép, mà thượng đế lại chỉ làm việc ấy cho các thế hệ sau của loài người (sau khi chết) một cách hết sức chậm chạp trong một tương lai vô định. Vì thế, để thực hiện cái mục tiêu xa vời này, con người chỉ còn biết tin và trông chờ vào những tín điều tôn giáo của mình sẽ xảy ra như một hiện thực. “Nếu quan niệm tôn giáo chỉ dừng lại ở chỗ niềm tin đối với tồn tại tinh

thần cao siêu hơn thì tinh thần tồn tại ấy là cái không thể xác định được, mục đích của nó là cái không thể biết được, vậy thì chúng ta sẽ trở thành sự chứng minh ngược trên người khoa học”²³.

Freud đưa ra vai trò của tôn giáo trong đời sống con người và xã hội không phải vì ông muốn đề cao tôn giáo mà ông muốn đưa ra những quan điểm mới, là nhìn nhận ở góc độ tâm lý của tôn giáo. Ông đã chứng minh cho tính hiện thực, tính chân lý của tôn giáo trong đời sống của các bộ lạc trong thời kỳ sơ khai. Tôn giáo là cái thuộc về đời sống hiện thực này chứ không phải là thuộc về đời sống mai sau. Nếu như có thuộc về đời sống mai sau thì đó là do sự ham muốn bất lực của con người chưa thể thỏa mãn được ở thế giới hiện thực. Họ phải hướng tới một thế giới mai sau, cho dù đó là những ảo giác của họ. Với Freud, tôn giáo là lối thực hành liên quan đến những hành vi, lối sống, đạo đức của con người. Ông cho rằng, tôn giáo không phải là cái mà chúng ta đi tìm kiếm ở một thế giới mai sau, ở một cuộc sống đâu đó bên ngoài xã hội, cũng không phải nhờ có tôn giáo mà con người mới được hoàn thiện mà con người phải tự giáo dục mình để đối diện với thực tại. Tôn giáo không chỉ mang tính bề ngoài về cội nguồn của sự phát triển bên ngoài của con người và xã hội mà nó còn chỉ ra nội tâm phát triển bên trong của con người. Như vậy, có thể coi tôn giáo như một phần cấu tạo nên bản chất con người và những hiện tượng của xã hội.

Theo Freud, tôn giáo là rất cần thiết cho con người bởi vì khi con người muốn thỏa mãn những ước muốn của bản thân, nhưng do cuộc sống hiện thực chưa giúp cho con người giải tỏa hết những ham muốn, nhu cầu của mình, do vậy, con người tìm đến tôn giáo. Và chính nhờ vào niềm tin tôn giáo mà con người có một cuộc sống ổn định hơn về mặt tinh thần. Hoặc khi con người muốn trốn tránh những vất vả do đời sống tập thể mang lại và muốn quên đi cái chết, tin tưởng vào một cuộc sống tốt đẹp ở một thế giới khác, bằng cách là chấp nhận sự tự an ủi với những huyền thoại tôn giáo, và kêu gọi tới sự bao bọc tưởng tượng của người Cha biết thưởng, biết phạt, một người Cha có thể che chở và cứu rỗi cho tất cả mọi người. Tôn giáo mang ý nghĩa sâu xa là sự lập lại tuổi thơ, đó là sự thèm muốn, nhớ mong trong thời thơ ấu, cũng như bệnh tâm thần là sự lập lại một thảm cảnh ở thời kỳ này. Có một điều cho đến nay mọi người đều thấy rằng, khi mà khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, con người ngày càng khám phá ra những tri thức mang tính khách quan bao nhiêu thì điều ấy lại càng làm cho con người thấy mình bé nhỏ trước vũ

trụ bấy nhiêu. Do vậy, để thỏa mãn những ham muốn, hiểu biết của mình, giải tỏa những ức chế của mình trước sức mạnh của tự nhiên, xã hội và tư duy của mình, con người vẫn cần đến sự bù đắp của tôn giáo.

Với Freud, tôn giáo ra đời từ một giai đoạn rất sớm của tiến trình lịch sử, lúc mà con người chưa thể dùng lý trí của mình để giải thích cho các hiện tượng ở bên ngoài cũng như bên trong con người. Do vậy, con người phải chế ngự và chèn ép chúng dưới sự trợ giúp của những năng lực cảm xúc bản năng ban đầu. Mà công việc của những năng lực này là tìm cách chế ngự và kiểm soát những gì con người bất lực không thể đối mặt được bằng lý trí. Ở trên thế giới hiện nay, tôn giáo không chỉ còn là những giảng thuyết giáo lý, hay những nghi lễ, mà nó đã đi sâu vào trong đời sống của xã hội, có tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực trong đời sống của con người, và cũng được xem là một bộ phận quan trọng cấu thành nên văn hóa nhân loại. Tôn giáo vẫn là một nhu cầu tinh thần của con người khi bước vào thế giới kỹ thuật hiện đại. Nó càng có vai trò to lớn trước sự phát triển khoa học hiện đại và như vậy càng không thể vắng mặt trong triết học hiện đại. Mục đích của bất kỳ tôn giáo nào cũng mong muốn đem lại cho con người Chân - Thiện - Mỹ, cũng như mục đích của Phân tâm học khi nghiên cứu về tôn giáo là nhằm mang lại cho con người một cuộc sống ổn định, hạnh phúc hơn, ít nhất là về mặt tâm lý. “Dù chúng ta có sùng đạo hay không, dù chúng ta tin vào một tôn giáo vô tôn giáo hay tin vào sự tiếp tục truyền thống Do Thái - Kitô, nếu chúng ta quan tâm đến bản chất chứ không phải đến cái vỏ, đến cảm nghiệm chứ không phải đến giáo đường thì chúng ta có thể hợp nhất để quyết liệt chối bỏ sự tôn thần tượng và có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy một niềm tin chung trong sự phủ nhận này hơn bất cứ trong mệnh đề nào xác quyết về thượng đế. Chắc chắn chúng ta sẽ trở nên khiêm tốn hơn và có nhiều tình yêu huynh đệ hơn”²⁴./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Gustav Theodor Fechner (1801 - 1887), là một nhà triết học, nhà vật lý và thực nghiệm tâm lý học người Đức.
- 2 Hermann Ludwig Ferdinand von Helmholtz (1821 - 1894) là một bác sỹ và nhà vật lý người Đức.
- 3 Ernst Wilhelm Ritter von Brücke (1819 - 1892) là một bác sĩ và sinh lý học người Đức.
- 4 Charles Robert Darwin (1809 - 1882) là một nhà nghiên cứu nổi tiếng trong lĩnh vực tự nhiên học người Anh.
- 5 Gottfried Wilhelm Leibniz (1646 - 1716) là một nhà bác học người Đức.
- 6 Johann Friedrich Herbart (1776 - 1841) là nhà triết học, tâm lý học người Đức.

- 7 Phan Quang Định (2008), *Toàn Cảnh Triết học Âu Mỹ thế kỷ XX*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 389.
- 8 Phan Quang Định (2008), *Toàn Cảnh Triết học Âu Mỹ...*, sđd: 389.
- 9 Phan Quang Định (2008), *Toàn Cảnh Triết học Âu Mỹ...*, sđd: 389.
- 10 Phan Quang Định (2008), *Toàn Cảnh Triết học Âu Mỹ...*, sđd: 389.
- 11 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 40.
- 12 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 42.
- 13 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 49.
- 14 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 49.
- 15 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 49.
- 16 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 48.
- 17 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 53.
- 18 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 56.
- 19 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 57.
- 20 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 53.
- 21 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 61.
- 22 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 69.
- 23 Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, sđd: 85.
- 24 Fromm E. (1969), *Tâm phân học và tôn giáo*, Tu thư Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn: 198.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
2. C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
3. Phan Quang Định (2008), *Toàn cảnh Triết học Âu Mỹ thế kỷ XX*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Freud S. (1969), *Nghiên cứu Phân tâm học*, Nxb. An Tiêm, Sài Gòn,
5. Freud S. (2001), *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Freud S. (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Freud S. (2002), *Bệnh lý học thần kinh về sinh hoạt đời thường*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Freud S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Fromm E. (1969), *Tâm phân học và tôn giáo*, Tu thư Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.

Abstract

THE ROLE OF RELIGION IN SOCIAL LIFE FROM THE VIEW OF PSYCHOANALYSIS BY S. FREUD

Psychoanalysis as an ideological trend was born in a period when European society transferred to the post-industrial society. Since coming into being, Psychoanalysis affected not only to many areas of human's knowledge such as literature, art, religion, anthropology, education, law, sociology, jurisprudence, history but also to the particular individual and

social life in general. This article indicated the role of religion in social life from the view of Psychoanalysis by S. Freud.

Key words: Psychoanalysis, Sigmund Freud, role, religion, society.